

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA

(Số: 1011/VNS-EFS/HĐVCHHH)

Căn cứ vào Luật thương mại số 36/2005-QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11, kỳ họp thứ 4 thông qua.

Căn cứ vào Bộ Luật dân sự Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc Hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 11 năm 2020, Tại Hà Nội

Chúng tôi gồm có:

BÊN CHỦ HÀNG (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 45 ngõ 55 phố Nguyễn Ngọc Nại, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0904178586

Mã số thuế: 0101570743

Do ông (bà): **Đào Duy Đạt**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

BÊN VẬN CHUYỂN (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN EFS HÀ NỘI

Địa chỉ: Số nhà 18, ngõ 117 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 0243.564.1290 / Fax: 0243.564.1291

Mã số thuế: 0102302063

Tài khoản số: 0451001510766. Tại: Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - CN Thành Công

Do ông: **Hồ Minh Hùng**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Hai bên cùng thỏa thuận ký hợp đồng với những nội dung sau:

ĐIỀU 1: HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN

1.1. Tên hàng: Bên A thuê bên B vận tải những hàng hóa sau:

1.2. Tính chất hàng hóa:

Bên B cần lưu ý bảo đảm cho bên A những loại hàng sau được an toàn:

a) Hàng bảo quản lạnh

b) Hàng bảo quản mát

c) Hàng thông thường

d) Máy, thiết bị điện tử

1.3. Đơn vị tính giá cước: Theo từng chuyến đặt hàng

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM NHẬN HÀNG VÀ GIAO HÀNG

2.1. Bên B đưa phương tiện đến nhận hàng tại (kho hàng) do bên A giao.

2.2. Bên B giao hàng cho bên A tại địa điểm bên A yêu cầu

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN: Tiền mặt hoặc chuyển khoản



ĐIỀU 4: PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

4.1. Bên A yêu cầu bên B vận tải số hàng trên bằng phương tiện Xe tải Phải có những khả năng cần thiết như:

- Vệ sinh sạch sẽ
- Có mái che
- Số lượng phương tiện là: 01 xe 1.500 kg

4.2. Bên B chịu trách nhiệm về kỹ thuật cho phương tiện vận tải trong suốt hành trình chuyển hàng

4.3. Bên B phải chuẩn bị đầy đủ giấy tờ cho phương tiện đi lại hợp lệ trên tuyến giao thông đó để vận tải số hàng hóa đã thỏa thuận như trên và chịu mọi hậu quả về giấy tờ pháp lý của phương tiện vận tải.

4.4. Bên B phải làm vệ sinh phương tiện vận tải trước khi nhận hàng,

4.5. Bên B có quyền từ chối không nhận hàng nếu bên A giao hàng không đúng loại hàng ghi trong vận đơn khi xét thấy phương tiện điều động không thích hợp với loại hàng đó, có quyền yêu cầu bên A phải chịu phạt 10% giá trị tổng cước phí.

4.7. Trường hợp bên B đưa phương tiện đến nhận hàng chậm so với lịch giao nhận phải chịu phạt hợp đồng là: 200.000 đồng/ giờ.

ĐIỀU 5: GIẤY TỜ CHO VIỆC VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA

5.1. Bên B phải làm giấy xác báo hàng hóa (phải được đại diện bên B ký, đóng dấu xác nhận) trước 1 giờ so với thời điểm giao hàng.

Bên B phải xác báo lại cho bên A số lượng và trọng tải các phương tiện có thể điều động trong 24 giờ trước khi bên A giao hàng. Nếu bên A không xác báo xin phương tiện thì bên B không chịu trách nhiệm.

5.2. Các giấy tờ khác nếu có.

ĐIỀU 6: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA

6.1. Hai bên thỏa thuận nhận hàng theo phương thức sau:

Lưu ý: Tùy theo từng loại hàng và tính chất phương tiện vận tải mà thỏa thuận giao nhận theo một trong các phương thức sau:

- Nguyên đai, nguyên kiện, nguyên bao.
- Theo trọng lượng, thể tích.
- Theo ngân nước của phương tiện vận tải thủy.

6.2. Bên A đề nghị bên B giao hàng theo phương thức: Vận chuyển bằng xe tải

ĐIỀU 7: TRÁCH NHIỆM XẾP DỠ HÀNG HÓA

7.1. Bên B (A) có trách nhiệm xếp dỡ hàng hóa.

Chú ý:

- Tại địa điểm có thể tổ chức xếp dỡ chuyên trách thì chi phí xếp dỡ do bên A chịu.
- Trong trường hợp bên A phụ trách xếp dỡ (không thuê chuyên trách) thì bên vận tải có trách nhiệm hướng dẫn về kỹ thuật xếp dỡ.

7.2. Thời gian xếp dỡ giải phóng phương tiện là 1 giờ.

Lưu ý: Nếu cần xếp dỡ vào ban đêm, vào ngày lễ và ngày chủ nhật bên A phải báo trước cho bên B

- Xếp dỡ hư hỏng hàng hóa phải bồi thường theo giá trị thị trường tự do tại địa điểm bốc xếp.

2302
ÔNG
CỔ P
EFS H
V.G ĐA

ĐIỀU 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

8.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A

a) Nghĩa vụ của bên A:

- Trả đủ tiền cước phí vận chuyển cho bên B theo đúng thời hạn, phương thức đã thoả thuận;
- Trông coi tài sản trên đường vận chuyển, nếu có thoả thuận. Trong trường hợp bên A trông coi tài sản mà tài sản bị mất mát, hư hỏng thì không được bồi thường.
- Bên A phải bồi thường thiệt hại cho bên B và người thứ ba về thiệt hại do tài sản vận chuyển có tính chất nguy hiểm, độc hại mà không có biện pháp đóng gói, bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển.

b) Quyền của bên A:

- Yêu cầu bên B chuyên chở tài sản đến đúng địa điểm, thời điểm đã thoả thuận;
- Trực tiếp hoặc chỉ định người thứ ba nhận lại tài sản đã thuê vận chuyển;
- Yêu cầu bên B bồi thường thiệt hại.

8.2. Quyền và nghĩa vụ của bên B

a) Nghĩa vụ của bên B:

- Bảo đảm vận chuyển hàng hóa đầy đủ, an toàn đến địa điểm đã định, theo đúng thời hạn;
- Trả tài sản cho người có quyền nhận;
- Chịu chi phí liên quan đến việc chuyên chở tài sản, trừ trường hợp có thoả thuận khác;
- Mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật;
- Bồi thường thiệt hại cho bên A trong trường hợp bên B để mất mát, hư hỏng tài sản do lỗi của mình, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

b) Quyền của bên B:

- Kiểm tra sự xác thực của tài sản, của vận đơn hoặc chứng từ vận chuyển tương đương khác;
- Từ chối vận chuyển tài sản không đúng với loại tài sản đã thoả thuận trong hợp đồng;
- Yêu cầu bên A thanh toán đủ cước phí vận chuyển đúng thời hạn;
- Từ chối vận chuyển tài sản cấm giao dịch, tài sản có tính chất nguy hiểm, độc hại, nếu bên B biết hoặc phải biết;
- Yêu cầu bên A bồi thường thiệt hại.

ĐIỀU 9: TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

9.1. Bên nào vi phạm hợp đồng, một mặt phải trả cho bên bị vi phạm tiền phạt vi phạm hợp đồng, mặt khác nếu có thiệt hại xảy ra do lỗi vi phạm hợp đồng dẫn đến như mất mát, hư hỏng, tài sản phải chi phí để ngăn chặn hạn chế thiệt hại do vi phạm gây ra, tiền phạt do vi phạm hợp đồng khác và tiền bồi thường thiệt hại mà bên bị vi phạm đã phải trả cho bên thứ ba là hậu quả trực tiếp của sự vi phạm này gây ra.

9.2. Nếu bên A đóng gói hàng mà không khai hoặc khai không đúng sự thật về số lượng, trọng lượng hàng hóa thì bên A phải chịu phạt đến 10 % số tiền cước phải trả cho lô hàng đó.

9.3. Nếu bên B có lỗi làm hư hỏng hàng hóa trong quá trình vận chuyển thì:

- Trong trường hợp có thể sửa chữa được nếu bên A đã tiến hành sửa chữa thì bên B phải đài thọ phí tổn.

- Nếu hư hỏng đến mức không còn khả năng sửa chữa thì hai bên thoả thuận mức bồi thường hoặc nhờ cơ quan chuyên môn giám định và xác nhận tỷ lệ bồi thường.

9.4. Nếu bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán tổng cước phí vận chuyển thì phải chịu phạt theo mức lãi suất chậm trả của tín dụng ngân hàng là 10% ngày (hoặc tháng) tính từ ngày hết hạn thanh toán.

9.5. Bên nào đã ký hợp đồng mà không thực hiện hợp đồng hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt tới 10 % giá trị phần tổng cước phí dự chi.

9.6. Nếu hợp đồng này có một bên nào đó gây ra đồng thời nhiều loại vi phạm, thì chỉ phải chịu một loại phạt có số tiền phạt ở mức cao nhất theo các mức phạt mà hai bên đã thoả thuận



trong hợp đồng này, trừ các loại trách nhiệm bồi thường khi làm mất mát hoặc hư hỏng hàng hóa lúc vận chuyển.

ĐIỀU 10: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Các bên cam kết cùng nhau thực hiện hợp đồng. Nếu trong quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc các bên sẽ trao đổi trên tinh thần hợp tác, trường hợp hai bên không thỏa thuận được thì việc tranh chấp sẽ được phán quyết bởi tòa án.

ĐIỀU 11: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 11 năm 2020 đến ngày 10 tháng 11 năm 2022
Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
Đào Duy Đạt



ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
HỒ MINH HÙNG

C.P. 1.1